

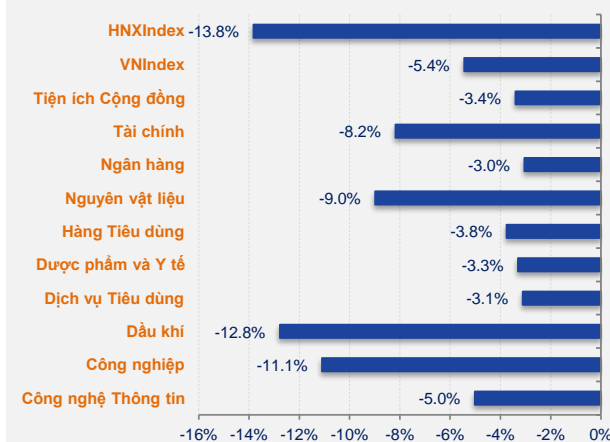


## WEEKLY WRAP

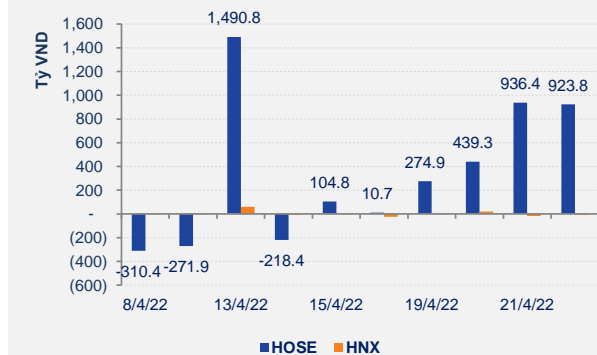
Tuần GD: 18/4/2022 - 22/4/2022

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
<b>Thống kê thị trường</b>				
Index	1,379.23	↓ -5.4%	359.12	↓ -13.8%
KLGD (trCP)	3,863.45	↑ 52.2%	531.24	↑ 69.3%
GTGD (tỷ VND)	117,793.31	↑ 41.1%	12,746.19	↑ 38.9%
Tổng cung (trCP)	8,182.33	↑ 55.3%	684.63	↑ 58.7%
Tổng cầu (trCP)	8,207.33	↑ 51.9%	563.18	↑ 44.6%
<b>Giao dịch NĐT nước ngoài</b>				
KL mua (trCP)	311.84	↑ 158.7%	3.50	↑ 4.9%
KL bán (trCP)	205.62	↑ 65.4%	3.95	↑ 104.3%
GT mua (tỷ VND)	11,436.36	↑ 81.2%	83.41	↓ -23.8%
GT bán (tỷ VND)	8,851.28	↑ 70.0%	115.50	↑ 92.5%

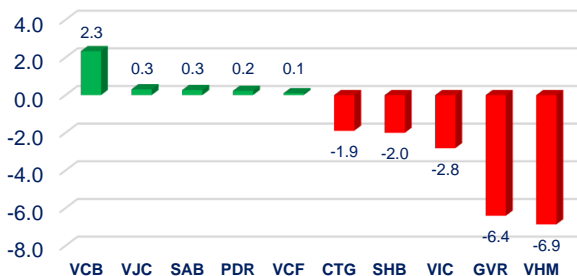
## Biến động giá Ngành theo Tuần



## Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



## TOP CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Thị trường giảm trong tuần thứ ba liên tiếp với mức giảm thậm chí còn mạnh hơn hai tuần trước đó và thanh khoản cũng gia tăng thể hiện việc áp lực gia tăng rõ rệt.

Kết thúc tuần giao dịch VN-Index giảm 79,33 điểm (-5,4%) xuống 1.379,23 điểm, HNX-Index giảm 57,59 điểm (-13,8%) xuống 359,12 điểm. Giá trị giao dịch trên HOSE tăng 41,1% so với tuần trước đó với 117.793 tỷ đồng, khối lượng giao dịch tăng 52,2% lên 3.863 triệu cổ phiếu. Giá trị giao dịch trên HNX tăng 38,9% so với tuần trước đó với 12.746 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch tăng 69,3% lên 531 triệu cổ phiếu.

Nhóm cổ phiếu dầu khí có mức giảm mạnh nhất trong tuần qua với 12,8% giá trị vốn hóa khi các nhà đầu tư chốt lời mạnh mẽ, các mã có mức điều chỉnh mạnh gồm PLX (-8,4%), BSR (-13,6%), OIL (-18,6%), PVD (-22,8%), PVS (-23,1%)...

Tiếp theo là nhóm cổ phiếu công nghiệp với mức giảm 11,1%.

Nhóm cổ phiếu công nghiệp giảm 9% giá trị vốn hóa, do mức giảm của ngành con hóa chất với các cổ phiếu DGC (-4%), DPM (-5,8%), DCM (-9,8%)... Cổ phiếu thép cũng giảm với HPG (-0,9%), HSG (-9%), NKG (-12,3%)...

Cổ phiếu ngành tài chính cũng giảm mạnh 8,2% giá trị vốn hóa, do chịu áp lực từ đà giảm của ngành con bất động sản với VIC (-3,7%), VHM (-9%), NVL (-3,7%)...; ngành con chứng khoán với SSI (-9,9%), HCM (-9,8%), VND (-6,1%)...

Ngành công nghệ thông tin kết tuần với mức giảm 5%, chủ yếu do đà giảm của các cổ phiếu trụ cột như FPT (-3,4%), CMG (-3,2%)...

Ngành hàng tiêu dùng giảm 3,8% với các cổ phiếu tiêu biểu VNM (-0,8%), MSN (-1,4%), BHN (-2,1%)...

Các ngành tiện ích cộng đồng (-3,4%), dược phẩm và y tế (-3,3%), dịch vụ tiêu dùng (-3,1%) cũng giảm tương đối.

Khối ngoại có động thái tích cực khi tiếp tục mua ròng gần 2.700 tỷ đồng trên hai sàn. Xét về khối lượng, GEX là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 10,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là STB với 6,1 triệu cổ phiếu và VRE với 5,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CII là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là OCB với 3,1 triệu cổ phiếu.

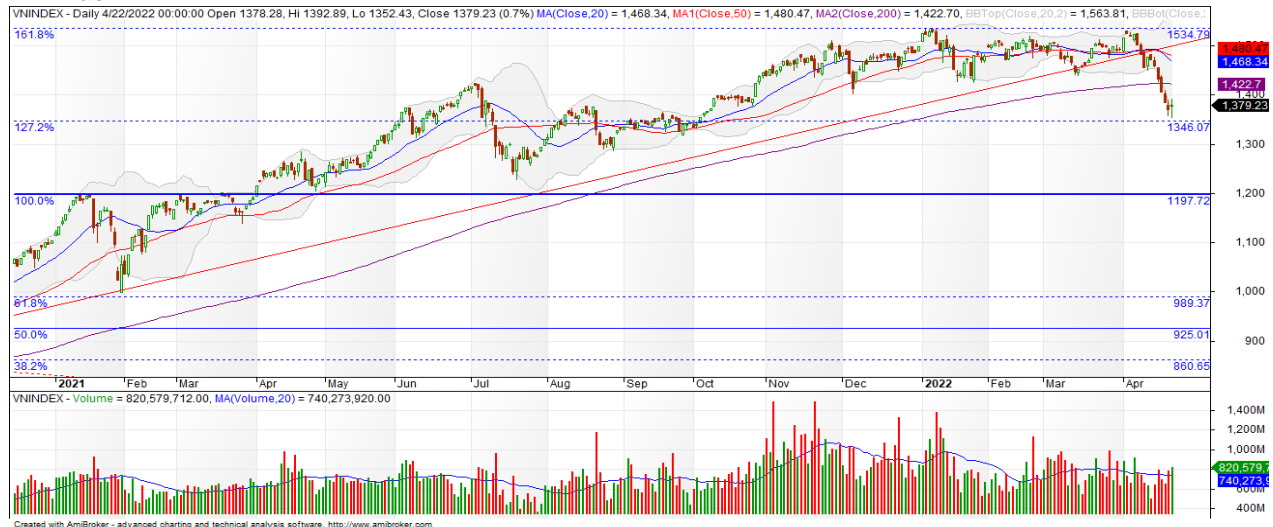
Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đang chênh lệch với chỉ số cơ sở từ -3 đến 1 điểm cho thấy các trader vẫn đang nghiêng về khả năng thị trường sẽ giằng co và đi ngang trong vùng giá hiện tại.

# WEEKLY WRAP

Tuần GD: 18/4/2022 - 22/4/2022

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index



VN-Index điều chỉnh trong tuần thứ ba liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với tuần trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 tuần gần nhất. Kết hợp với diễn biến trong tuần thì có thể thấy là áp lực bán ra đã tăng vọt ngay từ đầu tuần và hoàn toàn áp đảo trước lực cầu đã khiến cho thị trường điều chỉnh mạnh. Rất may là lực cầu quanh ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) trong hai phiên cuối tuần đã chặn được đà giảm của chỉ số.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Chỉ khi VN-Index giảm mạnh và đánh mất ngưỡng hỗ trợ quanh 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) thì mới xác nhận là kết thúc sóng này.

Với tuần giảm khá mạnh này (-5,6%) thì chỉ số VN-Index kết tuần dưới các ngưỡng hỗ trợ trước đó mà giờ đã chuyển thành ngưỡng kháng cự quan trọng, lần lượt là 1.420 điểm (MA200), 1.460-1.480 điểm (MA20-50), ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Điều này khiến cho xu hướng của thị trường bị suy yếu và chỉ số VN-Index có thể sẽ cần nhiều thời gian nữa để lấy lại các ngưỡng quan trọng kể trên.

Dự báo, trong tuần giao dịch tiếp theo 25/4-29/4, VN-Index có thể sẽ hồi phục với mục tiêu gần nhất là ngưỡng 1.420 điểm (MA200) nếu như ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) được giữ vững.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm để xác nhận kết thúc sóng tăng 5 để bước vào sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 31,8% sóng tăng 5).

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm tuần thứ ba liên tiếp với mức giảm hơn 9%, lần gần đây nhất mà thị trường mà đại diện là chỉ số VN-Index giảm ba tuần liên tiếp là vào tháng 7/2021 với mức giảm 10,7%. Sau đó thì thị trường đã hồi phục trở lại và tăng điểm khá tốt sau đó.

Diễn biến trong tuần qua là tương đối tiêu cực với bốn phiên giảm điểm liên tiếp vào đầu tuần và chỉ một phiên hồi phục vào cuối tuần đã khiến chỉ số VN-Index đánh mất ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật quan trọng quanh 1.420 điểm (MA200). Rất may là lực cầu gia tăng quanh ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) đã giúp VN-Index thu hẹp đà giảm và chưa xác nhận kết thúc sóng tăng 5 để bước vào sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết là quanh 1.200 điểm (fibonacci retracement 31,8% sóng tăng 5).

Ngưỡng 1.350 điểm sẽ là vùng quan trọng cần quan sát trong tuần giao dịch tới. Nhưng nếu có thể giữ vững được ngưỡng hỗ trợ này thì thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại với mục tiêu của đợt này là vùng kháng cự trong khoảng 1.400-1.420 điểm (ngưỡng tâm lý-MA200).



## WEEKLY WRAP

Tuần GD: 18/4/2022

-

22/4/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
RAL	145.8	146-148	180	138	8.1	16.0%	18.5%	Mua khi giá tăng trở lại trên nền
FPT	111.1	113.5-114.5	150	102	23.2	19.5%	22.6%	Mua khi giá tăng trở lại trên nền
DBD	58.5	57.5-58.5	70	54	17.6	24.0%	19.8%	Mua trong nền, khi giá điều chỉnh

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
15/4/2022	VSC	47.3	42.5	53-55	40	11.29%	Vận động tốt, tiếp tục nắm giữ
15/4/2022	REE	76.6	82	95-97	78	-6.59%	Bán cắt lỗ, dừng vị thế
15/4/2022	GIL	83.7	90.5	108-120	82	-7.51%	Bán cắt lỗ, dừng vị thế
16/4/2022	PNJ	115	118.5	145-148	108	-2.95%	Cổ phiếu điều chỉnh, vẫn trong nền tiếp tục nắm giữ
16/04/2022	HAH	98.5	101	125 - 130	95	-2.48%	Cổ phiếu điều chỉnh, vẫn trong nền tiếp tục nắm giữ
16/4/2022	BIC	33.55	34.7	40-42	32.5	-3.31%	Cổ phiếu điều chỉnh, vẫn giữ nền, tiếp tục nắm giữ
17/4/2022	DHC	81	83.6	40-42	79	-3.11%	Cổ phiếu điều chỉnh, vẫn giữ nền, tiếp tục nắm giữ

## TIN VÍ MÔ

**Vốn đầu tư mạo hiểm rót vào các startup tại Việt Nam cao kỷ lục**

Năm 2021, tổng số vốn đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam đạt 1,4 tỷ USD, tăng trưởng gấp 1,5 lần so với con số 874 triệu USD kỷ lục đã lập vào năm 2019. Cùng với đó, tổng số quỹ đầu tư tham gia hoạt động tại Việt Nam cũng tăng tới 60%...

Đây là điểm nhấn đáng chú ý trong buổi công bố Báo cáo Đổi mới Sáng tạo và Đầu tư Công nghệ Việt Nam ngày 21/4, do Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) và Quỹ đầu tư mạo hiểm Do Ventures tổ chức.

**Bộ trưởng Tài chính: Tôi tin tưởng thị trường chứng khoán, đặc biệt TPDN vẫn có thể phát triển tốt và bền vững**

Trao đổi với báo chí về hoạt động của thị trường tài chính thời gian qua, Bộ trưởng Hồ Đức Phớc khẳng định, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị như Vụ Tài chính ngân hàng, Cục Quản lý-Giám sát kế toán, kiểm toán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)... tăng cường giám sát kiểm tra, đấu tranh với các hành vi thao túng thị trường chứng khoán (TTCK).

**Đề xuất nhiều cơ chế chính sách đặc thù cho khu kinh tế Vân Phong**

Dự thảo Nghị quyết gồm 10 chính sách, cơ chế đặc thù, trong đó 6 chính sách đã được Quốc hội cho phép áp dụng tại một số địa phương trước đó. Một trong những điểm đáng chú ý là Chính phủ đề xuất có cơ chế đặc thù thu hút nhà đầu tư chiến lược vào ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển tại khu kinh tế Vân Phong.

Riêng với việc thu hồi đất tại khu kinh tế Vân Phong, cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo Luật Đất đai với dự án ngoài ngân sách có quy mô từ 300ha trở lên.

**Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử nghiêm hành vi thao túng, lũng đoạn thị trường chứng khoán**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội lưu ý Chính phủ có giải pháp chấn chỉnh và xử lý nghiêm hành vi thao túng, lũng đoạn thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản.

Chính phủ cũng được yêu cầu phải có giải pháp ổn định giá các mặt hàng tiêu dùng và thức ăn chăn nuôi.

**Doanh nghiệp Mỹ đặc biệt quan tâm đến các dự án hạ tầng giao thông**

Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Marc E.Knapper khẳng định doanh nghiệp Mỹ rất quan tâm và mong muốn được tham gia phát triển cơ sở hạ tầng giao thông Việt Nam.

Việt Nam đang đầu tư, xây dựng mạng lưới đường bộ cao tốc, với mục tiêu đến 2030 có khoảng 5.000km kết nối Bắc - Nam, Đông - Tây.

**Du lịch toàn cầu sẽ phục hồi mạnh về mức trước đại dịch vào năm 2023**

Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC) ngày 21/4 cho hay các lĩnh vực du lịch và lữ hành toàn cầu có thể phục hồi về mức trước đại dịch vào năm 2023.

WTTC cho biết thêm, các lĩnh vực du lịch và lữ hành toàn cầu phát triển với tốc độ cao hơn tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu.

## TIN DOANH NGHIỆP

**Thù lao HĐQT Hòa Phát năm 2021 cao gấp 4,6 lần năm trước, trung bình mỗi thành viên nhận 16,8 tỷ đồng/năm**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán của Tập đoàn Hòa Phát (mã CK: HPG), năm 2021, thù lao của Hội đồng quản trị Tập đoàn là 117,8 tỷ đồng, cao gấp 4,67 lần so với năm 2020. Ngoài ra, thù lao của Ban giám đốc cũng tăng 67,7% lên 3,89 tỷ đồng; thù lao của Ban kiểm soát tăng 108,3% lên 1,75 tỷ đồng.

**ĐHĐCĐ Thép Nam Kim (NKG): Quý 1/2022 lãi hơn 500 tỷ đồng, đã chốt đơn xuất khẩu đến tháng 7 và phần lớn sang thị trường EU**

Với ống thép, lãnh đạo NKG cho biết là thị trường lớn và vẫn tăng trưởng. Do hết nguyên liệu nên năm qua chỉ duy trì, tuy nhiên trong quý 2 năm nay, NKG sẽ xử lý xong kho hàng tập trung để tăng công suất mạ nguyên liệu, dự tăng sản lượng ống thép lên.

**Gelex thay đổi lãnh đạo cấp cao trước thềm ĐHĐCĐ 2022**

CTCP Tập đoàn Gelex (MCK: GEX) vừa công bố việc bổ nhiệm ông Lê Bá Thọ làm Phó Tổng giám đốc tập đoàn. Cùng với đó, ông Lê Bá Thọ còn được CTCP Hạ tầng Gelex – công ty con của GEX – đề cử vào hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Viglacera – CTCP, thay thế cho người tiền nhiệm là bà Đỗ Thị Phương Lan.

**Đạm Phú Mỹ lãi kỷ lục hơn 2.100 tỷ đồng trong quý I**

Biên lợi nhuận gộp quý I ghi nhận mức 48,4% và biên lợi nhuận ròng 36%. Doanh nghiệp lãi kỷ lục 2.224 tỷ đồng quý I, gấp 12,4 lần cùng kỳ năm trước..

**CII: Doanh thu giảm mạnh, lãi quý 1 vẫn đột biến nhờ hoạt động tài chính**

Dù doanh thu thuần sụt giảm trong quý đầu năm 2022 nhưng nhờ nguồn thu đột biến từ hoạt động tài chính, CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: CII) ghi nhận mức lãi ròng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.

**Công an bắt quả tang Công ty bóng đèn Điện Quang xả trộm chất thải nguy hại ra môi trường**

Cơ quan chức năng xác định, Xí nghiệp Đèn ống, Công ty cổ phần Bóng đèn Điện Quang đã vi phạm các lỗi như: không thu gom chất thải để xử lý theo quy định; tự xử lý các loại chất thải không được đăng ký trong các thủ tục được cơ quan chức năng cho phép; chôn lấp các loại chất thải nguy hại trái quy định tại khuôn viên của công ty...



**TIN DOANH NGHIỆP**

Trong tuần vừa qua nhiều doanh nghiệp đã công bố kết quả kinh doanh quý 1/2022. Bức tranh chung là khá tích cực khi phần lớn đều ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2021. Xét về mặt đồng đều thì một số ngành như dệt may, dầu khí, ngân hàng, phân bón hóa chất và dược phẩm tích cực nhất khi các doanh nghiệp trong ngành đều có sự tăng trưởng trong khi các ngành còn lại có sự phân hóa giữa các doanh nghiệp như hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, thủy sản.

Cụ thể như sau:

Ngành	Mã	Doanh thu		Lợi nhuận	
		Q1/2022	Tăng/giảm so cùng kỳ	Q1/2022	Tăng/giảm so cùng kỳ
Hàng tiêu dùng	PAC	1,080.0	22.6%	55	9.5%
Hàng tiêu dùng	LTG	2,345.0	-3.5%	184	1.2%
Dịch vụ	TDM	105.1	13.3%	40.96	-65.5%
Hàng tiêu dùng	HAX	1,661.0	15.7%	54.21	-2.4%
Hàng tiêu dùng	PNJ	10,143.0	41.2%	721	40.7%
Hàng tiêu dùng	KDC	2,879.0	24.0%	121	-10.3%
Đồ gỗ	PTB	1,735.0	23.6%	180.5	40.9%
Bất động sản	CII	711.7	-26.1%	685.2	1325.2%
Công nghệ	FPT	9,730.0	28.3%	1779	54.6%
Dược phẩm	IMP	314.0	5.9%	52.6	25.7%
	DHG	1,064.0	4.6%	255.3	25.2%
	DMC	359.2	23.7%	31.4	32.1%
Phân bón, Hóa chất	VFG	699.0	38.5%	52	61.3%
	DDV	863.0	36.5%	136.5	284.5%
	LAS	1,054.0	39.3%	31	27.7%
	DGC	3,634.4	86.5%	1506.8	416.1%
	DPM	5,829.0	199.7%	2114	1080.9%
Điện	POW	7,233.0	-5.6%	751	6.1%
	PGV	10,687.0	23.9%		
	KHP	1,023.0	9.6%	-87.8	-114.4%
	NT2	2,006.5	21.6%	159.6	38.9%
	SHP	138.1	100.0%	61.5	1460.8%
	BSA	58.7	5.3%	13.7	272.0%
	DNH	784.6	21.6%	510.7	48.7%
	DRL	26.2	17.2%	16.86	20.6%
	ND2	86.8	79.8%	28.85	#N/A
	S4A	52.7	79.8%	22.42	39.6%
	SBH	133.0	14.0%	52.77	40.9%
	SP2	38.3	79.8%	6.9	#N/A
	TBC	167.5	7.6%	88.39	18.4%
Dệt may	STK	640.1	12.9%	76.3	8.8%
	TNG	1,260.0	38.3%	38	72.0%
	HTG	1,345.0	86.0%	78.1	350.0%
Cao su, sẫm lốp	RTB	234.9	33.0%	89.84	146.1%
	SRC	244.5	-4.7%	14.9	47.0%
	PHR	365.5	30.5%	299.1	238.3%
	DPR	204.0	1.2%	46.7	-9.4%
Dầu khí	BSR	35,471.0	68.5%	2029	9.8%
	Oii	17,800.0	51.2%	295	42.9%
	PVB	4.0	-63.5%	4	39.4%
	PGD			110.0	157.6%
Thủy sản	AAM	55.7	85.9%	2.09	289.4%
	ACL	325.3	1.0%	62.6	472.6%
	FMC	1327.5	37.1%	42.2	36.5%
	KHS	251.4	-8.4%	13.7	-22.7%
	NGC	13.6	165.9%	-1.1	-636.3%
	THP	619	15.0%	4.5	-55.5%
	VHC	3267.6	82.7%	553.3	320.5%
	DAT	722.6	-14.2%	14.1	23.7%

**TIN DOANH NGHIỆP**

Ngành	Mã	Doanh thu		Lợi nhuận	
		Q1/2022	Tăng/giảm so cùng kỳ	Q1/2022	Tăng/giảm so cùng kỳ
Ngân hàng (lãi trước thuế)	SHB			3,200.0	100%
	VPB			11,146.0	178%
	ABB			576.0	20%
	BAB			246.0	7%
	PGB			127.0	54%
	TPB			1,623.0	14%
	BVB			174.0	14%
VLXD	CBI	819.0	52.9%	25.3	-59.6%
	HMC	1,254.6	12.4%	20.9	-67.7%
	HSV	206.1	171.5%	3.6	414.3%
	KTL	258.0	5.5%	-8.0	-18.4%
	MEL	249.3	112.5%	10.7	-31.0%
	SMC	6,630.2	30.8%	80.5	-62.7%
	TDS	754.2	25.4%	8.1	-36.7%
	TIS	3,733.2	24.2%	29.2	-34.1%
	TLH	1,795.7	83.4%	86.4	-28.1%
	TNS	219.7	-31.4%	3.6	80.0%
	TTS	1,922.1	49.3%	4.3	975.0%
	VCA	852.9	24.1%	8.9	-21.9%
	ADP	147.3	15.1%	8.8	-47.6%
	BTS	737.9	8.1%	17.7	47.5%
	CQT	147.7	4.1%	9.4	91.8%
	CRC	109.8	-38.3%	9.2	100.0%
	DHA	83.3	17.8%	19.6	8.9%
	DTC	63.1	17.7%	0.1	-75.0%
	GMX	55.9	19.7%	7.1	57.8%
	HOM	429.3	-0.5%	0.4	33.3%
	HT1	1,956.7	12.4%	24.8	-73.8%
	MBG	196.4	-0.5%	24.3	1418.8%
	MCC	15.4	116.9%	1.9	533.3%
	NNC	19.3	-66.7%	0.1	-99.2%
	NTP	1,085.0	2.3%	149.5	15.0%
	SCJ	212.9	-45.2%	0.6	-80.6%
	SCL	71.4	-37.9%	2.7	-80.0%
	TTC	60.5	-4.4%	4.0	-28.6%
	TXM	45.5	42.2%	-2.3	109.1%
	VCX	151.3	-11.4%	-4.1	-200.0%
	VHL	400.2	9.7%	9.5	3066.7%
	VGC			885.0	216.6%
	NKG	7,100.0	46.3%	507.0	59.0%
Chứng khoán (doanh nghiệp có dấu * là báo cáo riêng công ty mẹ)	AGR	101.7	-1.1%	50.2	35.5%
	BSI	332.5	24.0%	83.3	36.2%
	BVS	249.5	17.3%	48.7	-23.6%
	CTS	226.4	43.1%	57.6	44.4%
	FTS	364.8	54.6%	213.1	46.3%
	HCM	1,068.0	-8.2%	282.7	-12.1%
	MAS	751.0	51.3%	284.5	96.3%
	MBS	609.5	52.0%	200.2	100.2%
	ORS	810.9	217.8%	221.4	128.6%
	PSI	117.5	117.2%	15.6	271.2%
	SHS	685.7	15.7%	329.3	21.6%
	SSI*	2,007.6	33.3%	706.3	66.7%
	TVB	76.6	-26.9%	38.9	-49.6%
	TVS	159.7	-32.7%	37.9	-73.0%
	VCI	796.6	2.4%	417.2	42.9%
	VDS	293.0	46.6%	105.1	7.2%
	VND*	1,766.8	61.0%	762.2	47.9%
	VPS*	2,505.7	31.4%	241.0	19.5%



## HOSE

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GEX	10,071,500	CII	(3,799,700)
2	STB	6,142,500	OCB	(3,121,500)
3	VRE	5,752,300	VHM	(2,841,100)
4	DXG	5,360,100	SSI	(2,669,099)
5	FUEVFNVD	4,770,100	HPG	(1,901,500)

## HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TVD	401,800	PVS	(765,400)
2	TA9	209,600	SHS	(454,400)
3	DL1	182,300	VCS	(188,800)
4	IVS	163,500	KLF	(182,500)
5	PVI	147,800	DST	(177,400)

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VPB	38.50	36.80	↓ -4.42%	11,735,400
GEX	33.95	29.50	↓ -13.11%	9,524,730
HQC	6.85	4.96	↓ -27.59%	9,069,490
HAG	12.05	9.80	↓ -18.67%	9,010,150
HPG	44.20	43.80	↓ -0.90%	8,870,470

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	30.80	23.70	↓ -23.05%	63,738,767
KLF	4.90	3.70	↓ -24.49%	30,779,641
HUT	31.00	26.20	↓ -15.48%	30,409,726
SHS	24.40	20.50	↓ -15.98%	26,889,177
NVB	38.60	37.60	↓ -2.59%	25,587,722

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	91.50	112.00	20.5	↑ 22.40%
VNS	11.20	13.30	2.1	↑ 18.75%
ACL	26.00	30.85	4.9	↑ 18.65%
VDP	36.50	39.20	2.7	↑ 7.40%
VSC	44.35	47.30	3.0	↑ 6.65%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CJC	13.90	17.60	3.7	↑ 26.62%
TPH	14.30	18.00	3.7	↑ 25.87%
SGC	74.40	87.60	13.2	↑ 17.74%
VTC	15.40	18.10	2.7	↑ 17.53%
CAN	50.20	57.90	7.7	↑ 15.34%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCG	7.83	5.46	-2.4	↓ -30.27%
TTB	10.40	7.26	-3.1	↓ -30.19%
PXS	9.54	6.66	-2.9	↓ -30.19%
AGM	56.00	39.10	-16.9	↓ -30.18%
FTM	4.95	3.46	-1.5	↓ -30.10%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KDM	38.60	23.00	-15.6	↓ -40.41%
SDA	31.30	18.70	-12.6	↓ -40.26%
SMT	18.90	11.40	-7.5	↓ -39.68%
APS	26.50	16.00	-10.5	↓ -39.62%
VKC	10.90	6.60	-4.3	↓ -39.45%

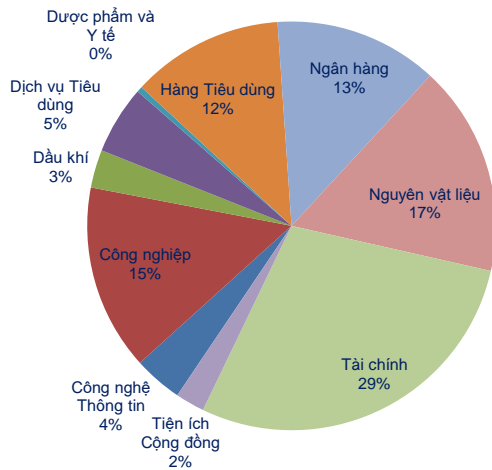
(\*) Giá điều chỉnh



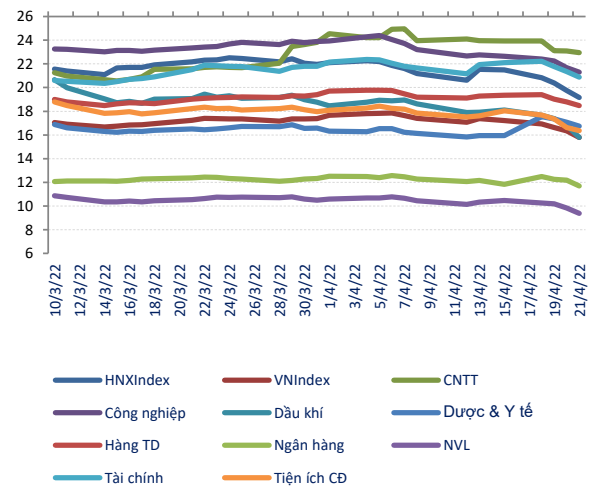


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	11,735,400	22.7%	3,891	9.1	1.7
GEX	9,524,730	7.2%	1,483	19.6	1.2
HQC	9,069,490	0.1%	9	590.7	0.6
HAG	9,010,150	2.8%	219	46.1	2.0
HPG	8,870,470	46.0%	7,708	5.6	2.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	63,738,767	4.7%	1,258	19.6	0.9
KLF	30,779,641	0.4%	40	84.2	0.3
HUT	30,409,726	1.8%	227	119.1	2.5
SHS	26,889,177	25.5%	2,655	7.7	1.0
NVB	25,587,722	0.0%	3	12,104.9	3.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 22.4%	24.5%	9,312	11.6	2.7
VNS	↑ 18.8%	-20.3%	-4,026	-	0.7
ACL	↑ 18.7%	12.8%	1,876	17.7	2.2
VDP	↑ 7.4%	10.7%	3,078	12.4	1.1
VSC	↑ 6.7%	13.5%	5,534	8.5	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CJC	↑ 26.6%	-5.9%	-617	-	1.6
TPH	↑ 25.9%	7.3%	881	20.4	1.5
SGC	↑ 17.7%	23.5%	4,442	19.7	4.1
VTC	↑ 17.5%	0.4%	82	222.7	0.9
CAN	↑ 15.3%	21.2%	5,884	9.8	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	10,071,500	7.2%	1,483	19.6	1.2
STB	6,142,500	10.8%	1,855	14.9	1.5
VRE	5,752,300	4.4%	578	52.7	2.3
DXG	5,360,100	10.3%	1,937	16.7	1.4
FUEVFVND	4,770,100	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TVD	401,800	19.9%	2,295	7.0	1.3
TA9	209,600	12.9%	1,579	9.6	1.2
DL1	182,300	3.1%	344	19.5	0.5
IVS	163,500	5.3%	527	18.0	0.9
PVI	147,800	11.2%	3,722	14.8	1.8

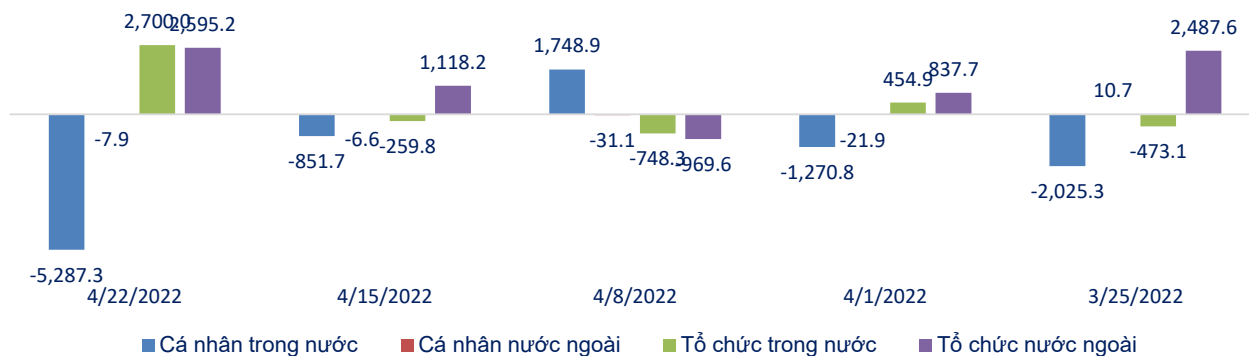
Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	371,029	21.6%	4,632	16.9	2.7
VIC	295,580	-1.7%	-650	-	1.9
VHM	278,680	35.2%	8,991	7.1	2.1
GAS	200,965	17.1%	4,531	23.2	3.9
BID	194,753	12.7%	2,084	18.5	2.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	44,450	21.8%	2,805	45.3	7.0
KSF	32,400	9.0%	1,373	78.6	5.4
NVB	21,159	0.0%	3	12,104.9	3.5
VCS	18,176	40.6%	11,096	10.2	3.7
IDC	17,490	9.6%	1,514	38.5	3.7

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	326.61	15.8%	2,279	28.4	4.2
VHM	216.90	35.2%	8,991	7.1	2.1
DGC	211.50	45.9%	13,959	17.7	8.2
VPB	122.18	22.7%	3,891	9.1	1.7
BVH	105.12	8.9%	2,555	26.0	2.2

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-79.29	-1.7%	(650)	-	1.9
CII	-64.35	-4.1%	(1,386)	-	0.7
DPM	-63.21	49.4%	12,931	5.5	2.3
VRE	-59.87	4.4%	578	52.7	2.3
DCM	-57.01	26.4%	3,444	12.0	2.9

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	3.59	49.4%	12,931	5.5	2.3
SSI	2.71	13.0%	1,340	26.9	2.4
FRT	2.28	30.6%	5,618	29.5	7.8
TTF	2.17	0.0%	(27)	-	-
DXG	1.93	10.3%	1,937	16.7	1.4

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DVP	-3.08	20.9%	6,928	8.7	1.8
NVL	-3.00	8.8%	1,692	47.3	3.8
STB	-1.66	10.8%	1,855	14.9	1.5
SKG	-1.63	-4.3%	(558)	-	1.6
DGW	-1.34	44.5%	7,433	20.5	7.6

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	63.31	46.0%	7,708	5.6	2.1
VIC	59.68	-1.7%	(650)	-	1.9
CII	55.52	-4.1%	(1,386)	-	0.7
TCB	41.82	21.5%	5,148	8.5	1.7
MSN	35.95	25.4%	6,055	20.3	3.4

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-145.15	15.8%	2,279	28.4	4.2
GEX	-127.00	7.2%	1,483	19.6	1.2
KBC	-126.79	5.8%	1,582	26.5	1.6
DGC	-125.13	45.9%	13,959	17.7	8.2
DXG	-86.92	10.3%	1,937	16.7	1.4

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	90.72	49.4%	12,931	5.5	2.3
GEX	84.75	7.2%	1,483	19.6	1.2
KBC	61.02	5.8%	1,582	26.5	1.6
DCM	52.01	26.4%	3,444	12.0	2.9
NLG	43.43	10.6%	3,155	14.6	1.3

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-136.48	45.9%	13,959	17.7	8.2
SSI	-79.22	13.0%	1,340	26.9	2.4
HPG	-39.67	46.0%	7,708	5.6	2.1
VND	-33.23	12.3%	486	66.6	1.6
MSN	-26.81	25.4%	6,055	20.3	3.4



Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
10/1/2022	22/4/2022	21/1/2022	20/1/2022	<b>STB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
7/2/2022	22/4/2022	28/2/2022	25/2/2022	<b>AGF</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/1/2022	22/4/2022	21/3/2022	18/3/2022	<b>WSB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
26/1/2022	22/4/2022	3/3/2022	2/3/2022	<b>VHL</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
11/2/2022	22/4/2022	15/3/2022	14/3/2022	<b>DT4</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
17/2/2022	22/4/2022	3/3/2022	2/3/2022	<b>GDW</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
22/2/2022	22/4/2022	21/3/2022	18/3/2022	<b>COM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
21/2/2022	22/4/2022	22/3/2022	21/3/2022	<b>HRT</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
18/2/2022	22/4/2022	15/3/2022	14/3/2022	<b>HOM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
23/2/2022	22/4/2022	16/3/2022	15/3/2022	<b>TVH</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
23/2/2022	22/4/2022	18/3/2022	17/3/2022	<b>SBV</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2022	22/4/2022	10/3/2022	9/3/2022	<b>VTV</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2022	22/4/2022	22/3/2022	21/3/2022	<b>DDM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
25/2/2022	22/4/2022	14/3/2022	11/3/2022	<b>NXT</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/3/2022	22/4/2022	14/3/2022	11/3/2022	<b>TVD</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
2/3/2022	22/4/2022	15/3/2022	14/3/2022	<b>TKA</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
2/3/2022	22/4/2022	18/3/2022	17/3/2022	<b>SBS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2022	22/4/2022	17/3/2022	16/3/2022	<b>NKG</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2022	22/4/2022	22/3/2022	21/3/2022	<b>BSR</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2022	22/4/2022	15/3/2022	14/3/2022	<b>TXM</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2022	22/4/2022	18/3/2022	17/3/2022	<b>BTS</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2022	22/4/2022	22/3/2022	21/3/2022	<b>BSH</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
2/3/2022	22/4/2022	22/3/2022	21/3/2022	<b>HD8</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
28/2/2022	22/4/2022	16/3/2022	15/3/2022	<b>SGR</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
4/3/2022	22/4/2022	21/3/2022	18/3/2022	<b>SEB</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
2/3/2022	22/4/2022	22/3/2022	21/3/2022	<b>SSC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
4/3/2022	22/4/2022	18/3/2022	17/3/2022	<b>HEC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
2/3/2022	22/4/2022	25/3/2022	24/3/2022	<b>BXH</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
1/3/2022	22/4/2022	18/3/2022	17/3/2022	<b>SC5</b>	Đại hội Đồng Cổ đông
10/3/2022	22/4/2022	24/3/2022	23/3/2022	<b>ILC</b>	Đại hội Đồng Cổ đông



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)